

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HS-ST
Ngày 19-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân HUYỆN A

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Bùi Đức C, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1996 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L và bà Vũ Thị H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/02/2018; có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, nơi cư trú: Thôn A, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người làm chứng: Anh Bùi Văn L, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, Bùi Đức C gọi điện thoại chửi anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, trú tại: Thôn A, thị trấn A, huyện A, Hải Phòng vì cho rằng anh T có lời lẽ không hay về người bố đã mất và gia đình mình. Khi bị C chửi, anh

T không hiểu vì lý do gì nên khoảng 18 giờ 30 phút ngày 28 tháng 11 năm 2017, anh T đến nhà anh Bùi Văn L, sinh năm 1973; trú tại: Thôn H, xã H, huyện A, Hải Phòng (là chủ của C) nhờ anh L dẫn sang nhà C nói chuyện, nhưng C không có nhà. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, C đi cùng bạn về đến cổng nhà anh L, anh T gọi C lại và đứng nói chuyện ở khu vực cổng làng H. Hai bên xảy ra to tiếng cãi nhau, anh L ở trong nhà đi ra can ngăn. Sau đó, C đi về nhà còn anh T đi vào nhà anh L. Một lúc sau, C lấy 01 thanh kiếm tự chế bằng kim loại dài khoảng 60cm, bản rộng khoảng 04cm ở nhà đi sang nhà anh L; thấy anh T đang đứng ở lán trước cửa nhà anh L, C đến dùng tay trái túm cổ áo, tay phải cầm kiếm đâm vào vùng má, cổ bên trái anh T và nói “mày mà lão tao chém chết” rồi cửa một nhát vào má hàm cổ trái anh T. Ngay lúc đó, anh L can ngăn thì C bỏ đi và rút thanh kiếm ở khu vực cánh đồng thôn H, xã H, huyện A, Hải Phòng. Sau khi bị C gây thương tích, anh L đưa anh T đi bệnh viện sơ cứu vết thương.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 686/2017/TgT ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng đối với thương tích của anh Nguyễn Văn T đã kết luận: “Nạn nhân bị vết thương phần mềm lớn vùng má hàm cổ trái đã được điều trị tạm thời ổn định, còn đau, ảnh hưởng vận động cổ và ảnh hưởng thẩm mỹ tại vùng vết thương. Tỷ lệ phần trăm cơ thể của nạn nhân do thương tích trên gây nên là 12%. Thương tích trên có đặc điểm do vật sắc tác động trực tiếp gây nên”.

Tại Công văn số 41 ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Trung tâm pháp y thành phố Hải Phòng trả lời về thương tích của anh T: “Nạn nhân Nguyễn Văn T chỉ bị một vết thương phần mềm lớn vùng má hàm cổ trái gây rách da, tổ chức dưới da chảy máu nhưng không gây tổn thương các cơ quan bộ phận quan trọng có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của nạn nhân. Vì vậy, với thương tích trên nếu không được cấp cứu kịp thời thì cũng không ảnh hưởng tới tính mạng của nạn nhân”.

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Bùi Đức C về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ, khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Đức C khai nhận do bức tức vì anh T có những lời lẽ không hay về người bố đã mất và xúc phạm gia đình bị cáo, nên bị cáo đã dùng kiếm tự chế kề vào cổ anh T để đe dọa, trong lúc giằng co bị cáo đã cửa vào cổ anh T gây thương tích cho anh T tại trước cửa nhà anh Bùi Văn L ở thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng vào hồi 19 giờ 30 phút ngày 28 tháng 11 năm 2017. Bị cáo không có mục đích tước đi sinh mạng của anh T. Bị cáo thừa nhận thương tích của anh Nguyễn Văn T là do một mình bị cáo gây nên.

Lời khai của bị hại Nguyễn Văn T xác định bị cáo Bùi Đức C là người đã dùng kiếm cửa vào hàm má trái gây thương tích cho anh. Giữa anh và bị cáo C không có mâu thuẫn gì, anh không có lời lẽ gì xúc phạm gia đình nhà bị cáo C, anh đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo đúng quy định pháp luật. Về dân sự bị cáo mới bồi thường cho anh số tiền 2.000.000đ. Anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh số tiền 237.000.000đ bao gồm tiền chi phí điều trị thương tích 18.000.000đ, tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền mất tiền mất thu nhập của

bản thân và tiền mất thu nhập của người chăm sóc tổng cộng là 25.000.000đ, tiền tổn thất tinh thần là 194.000.000đ. Đối với số tiền 76.000.000đ anh dự kiến sau này đi phẫu thuật thẩm mỹ anh không yêu cầu giải quyết tại phiên tòa.

Công bố lời khai của người làm chứng có nội dung như bị cáo khai nhận tại Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, lỗi của bị cáo, nêu tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ, khoản 2 (các điểm a, i khoản 1) Điều 134; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Bùi Đức C từ 24 đến 30 tháng tù về tội " Cố ý gây thương tích". Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 590 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T 23.400.000đ.

Về vật chứng vụ án: Sau khi gây án, bị cáo Bùi Đức C đã rút kiếm trên đường bị cáo bỏ đi, cơ quan C an đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt:

[2] Hội đồng xét xử xét thấy lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, phù hợp với bản Kết luận giám định pháp y số 686/2017/TgT ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Trung tâm pháp y Hải Phòng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ xác định vào hồi 19 giờ 30 phút ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại trước cửa nhà anh Bùi Văn L ở thôn Hy Tái, xã Hồng Thái, HUYỆN A, thành phố Hải Phòng, bị cáo Bùi Đức C có hành vi dùng kiếm tự tạo cửa một nhát vào má hàm cổ trái của anh Nguyễn Văn T làm anh T bị thương. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Cố ý gây thương tích, vi phạm Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã dùng kiếm tự tạo cửa vào má hàm cổ anh T bị thương, theo quy định pháp luật kiểm được xác định là hung khí

nguy hiểm như vậy hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 "dùng hung khí nguy hiểm". Giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì chỉ vì một lời nói bị cáo cho rằng bị hại đã xúc phạm gia đình bị cáo nên đã dùng kiếm cứa vào cổ bị hại gây thương tích hành vi của bị cáo thể hiện tính côn đồ hung hãn nên đã vi phạm điểm i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 " có tính côn đồ". Thương tích mà bị cáo gây ra cho anh Nguyễn Văn T làm giảm 12% sức khỏe nên hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, quy định về tội Cố ý gây thương tích (khoản 2 Điều 134) có mức hình phạt nhẹ hơn (khoản 2 Điều 104) Bộ luật hình sự năm 1999 nên áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nguyên nhân phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến sức khỏe của người bị hại, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu ở địa phương, do vậy phải xử phạt nghiêm cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về nguyên nhân phạm tội là do bị cáo Bùi Đức C nghi ngờ anh Nguyễn Văn T xúc phạm bố mình, khi anh T đến nhà tìm bị cáo để nói chuyện, hai bên xảy ra to tiếng, bị cáo bực tức, không kiềm chế được đã dùng kiếm cứa vào vùng má hàm cổ trái anh T gây thương tích.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000đ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về các vấn đề khác:

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Nguyễn Văn T đã nhận số tiền bồi thường từ gia đình bị cáo là 2.000.000đ và yêu cầu bị cáo Bùi Đức C phải tiếp tục bồi thường cho anh số tiền 237.000.000đ gồm tiền chi phí điều trị thương tích là 18.000.000đ, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và tiền mất thu nhập của bản thân và người chăm sóc 25.000.000đ, tiền bù đắp tổn thất về tinh thần 194.000.000đ.

[9] Căn cứ tài liệu điều trị thương tích của bị hại tại Bệnh viện Đa khoa An Dương và bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh nội trú bảo hiểm y tế thì tổng chi phí đợt điều trị của bị hại là 2.828.980đ có hóa đơn nên chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường đầy đủ tiền chi phí điều trị thương tích. Ngoài số tiền trên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe là 50.000đ/ngày x 60 ngày = 3.000.000đ

[10] Bị hại Nguyễn Văn T trình bày làm bảo vệ tại ngân hàng SHB - Chi nhánh Hải Phòng với mức thu nhập là 5.400.000đ/tháng và yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mất thu nhập của bản thân 03 tháng và tiền mất thu nhập của người chăm sóc anh (Bố, mẹ) và tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe của bị hại tổng cộng là 25 triệu. Xét thấy những người chăm sóc bị hại trong thời gian bị hại điều trị thương tích là bố, mẹ bị hại đều đã nghỉ hưu và có lương hưu nên không có căn cứ chấp nhận tiền mất thu nhập của người chăm sóc bị hại. Bị hại T bị thương tích phải nằm viện nên phải nghỉ làm là có thực nhưng thời gian nghỉ không đến 01 tháng và tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền mất thu nhập là 01 tháng lương 5.400.000đ nên chấp nhận mức bồi thường mất thu nhập thực tế của bị hại trong 01 tháng là 5.400.000đ.

[11] Về bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 194.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy với mức yêu cầu bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần của bị hại là cao và không phù hợp với quy định của pháp luật cũng như thương tích thực tế mà bị cáo gây cho bị hại. Do vậy, cần điều chỉnh mức bồi thường tổn thất tinh thần của bị hại; buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 10 tháng lương cơ sở: $1.300.000đ \times 10 \text{ tháng} = 13.000.000đ$.

[12] Như vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền là: $2.828.980đ + 5.400.000đ + 3.000.000đ + 13.000.000đ = 23.228.980đ$, bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền là 2.000.000đ nên phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 21.228.980đ.

[13] Về yêu cầu bồi thường số tiền phẫu thuật thẩm mỹ 76.000.000đ sau này của anh Nguyễn Văn T. Tại phiên tòa anh T không yêu cầu giải quyết nữa nên Hội đồng xét xử không xét.

[14] Về vật chứng của vụ án: Sau khi gây án, bị cáo Bùi Đức C đã vứt kiếm trên đường bỏ đi, cơ quan Công an đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được nên không xét.

[15] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ, khoản 2 (các điểm a, i khoản 1) Điều 134, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Bùi Đức C 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Bùi Đức C bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền là 21.228.980đ. (Hai mươi một triệu hai trăm hai mươi tám nghìn chín trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, Điều 468, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 135 và khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.061.000đ án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 1.261.000đ để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Phòng PV 27; Phòng PC 81; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- Trại tạm giam - Công an Hải Phòng;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ; Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tĩnh

